

BÁO CÁO

Kết quả thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 **Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023**

Nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2022 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế trong tỉnh, dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển trở lại, tạo nguồn lực cho thu ngân sách. Dưới sự Lãnh đạo của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã, sự nỗ lực, tập trung quyết liệt của các cấp, ngành trong lãnh đạo điều hành, công tác tài chính- ngân sách cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hoạt động cơ quan nhà nước, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương. Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ ngân sách Nhà nước hết ngày 30/11/2022, UBND thị xã báo cáo tình hình thực hiện công tác thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, cụ thể như sau:

Phần I

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

I. Kết quả thu ngân sách đến 30/11/2022

1. Thu ngân sách nhà nước trên toàn địa bàn thị xã

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã (tính cả số thu từ doanh nghiệp Nhà nước do trung ương quản lý và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trên địa bàn thị xã) đến ngày 30/11/2022 là 1.570 tỷ 569 triệu đồng, đạt 154,5% so dự toán.

Ước tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã đến ngày 31/12/2022 là 1.656 tỷ 465 triệu đồng, đạt 162,95% so dự toán. Trong đó: Chi cục thuế Khu vực Kim Môn thu ước đạt 510 tỷ 400 triệu đồng, đạt 144,88% so dự toán. (Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Các khoản thu ngân sách điều tiết về cấp huyện, cấp xã phường

Tổng số thu điều tiết về ngân sách thị xã và các xã, phường đến hết ngày 30/11/2022 là: 1.182 tỷ 877 triệu đồng, đạt 144% dự toán. Trong đó: số thu điều tiết về ngân sách thị xã 953 tỷ 430 triệu đồng, đạt 143,9% so dự toán; số thu điều tiết về ngân sách xã, phường 229 tỷ 447 triệu đồng, đạt 155,17% so dự toán.

a) Số thu cân đối phân chia theo tỷ lệ % ngân sách thị xã và các xã phường đến hết 30/11/2022 là 427 tỷ 353 triệu đồng, đạt 135,1% so với dự toán. Trong đó: số điều tiết ngân sách thị xã 360 tỷ 213 triệu đồng, đạt 131,06% dự toán; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 67 tỷ 140 triệu đồng, đạt 161,87% dự toán, chi liết các khoản thu như sau:

- Thu từ doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý điều tiết ngân sách thị xã đạt 2 tỷ 203 triệu đồng, đạt 129,59% so dự toán.

- Thuế ngoài quốc doanh: 111 tỷ 853 triệu đồng, đạt 173,92% so dự toán, trong đó số thu điều tiết ngân sách thị xã 110 tỷ 614 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 1 tỷ 239 triệu đồng.

- Thuế thu nhập cá nhân 18 tỷ 529 triệu đồng, đạt 237,83% so dự toán, trong đó số thu điều tiết ngân sách thị xã 12 tỷ 091 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 6 tỷ 438 triệu đồng.

- Lệ phí trước bạ (nhà đất + tài sản) 36 tỷ 478 triệu đồng, đạt 127,1% dự toán. trong đó số thu điều tiết ngân sách thị xã 35 tỷ 239 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 1 tỷ 239 triệu đồng.

- Thu phí, lệ phí 20 tỷ 009 triệu đồng, đạt 92,44% so dự toán. trong đó số thu điều tiết ngân sách thị xã 19 tỷ 422 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 587 triệu đồng.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 3 tỷ 533 triệu đồng, đạt 452,95% so dự toán. Số thu điều tiết ngân sách thị xã 3 tỷ 082 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 451 triệu đồng.

- Tiền thuê đất, thuê mặt nước điều tiết ngân sách thị xã 26 tỷ 126 triệu đồng, đạt 152,34% so dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất 191 tỷ 879 triệu đồng, đạt 117% so dự toán. Số thu điều tiết ngân sách thị xã 138 tỷ 830 triệu đồng; số thu điều tiết ngân sách xã, phường 53 tỷ 049 triệu đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: số thu điều tiết NS thị xã 2 tỷ 185 triệu đồng, đạt 97,15% dự toán.

- Thu khác ngân sách 11 tỷ 059 triệu đồng, đạt 201,02% so dự toán. Trong đó ngân sách thị xã 10 tỷ 421 triệu đồng (bao gồm cả khoản thu hồi các khoản chi năm trước cấp hỗ trợ xây dựng nhà khoa khám bệnh của Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn 6,7 tỷ đồng); số thu điều tiết ngân sách xã, phường 635 triệu đồng.

- Các khoản thu tại xã (hoa lợi công sản) 3 tỷ 502 triệu đồng, đạt 140,08% so kế hoạch.

b) Thu hỗ trợ, đền bù khi nhà nước thu hồi đất đến 30/11/2022 đạt 714 triệu đồng;

c) Thu huy động đóng góp đến 30/11/2022 đạt 4 tỷ 603 triệu đồng.

d) Thu chuyển nguồn đạt 269 tỷ 215 triệu đồng.

đ) Thu chuyển giao ngân sách (bổ sung từ ngân sách cấp trên) đến 30/11/2022 là 478 tỷ 464 triệu đồng, đạt 96,83% dự toán. Trong đó: bổ sung cân đối ngân sách 358 tỷ 519 triệu đồng; bổ sung có mục tiêu 119 tỷ 945 triệu đồng.

e) Thu kết dư ngân sách: 2 tỷ 528 triệu đồng (ngân sách cấp xã).

* Ước số thu điều tiết về ngân sách thị xã và các xã, phường đến hết ngày 31/12/2022 đạt 1.242 tỷ 532 triệu đồng, bằng 151,26% dự toán. Trong đó: số thu điều tiết về ngân sách thị xã 991 tỷ 515 triệu đồng; số thu điều tiết về ngân sách xã, phường 251 tỷ 017 triệu đồng.

(Chi tiết các khoản thu theo phụ lục 02 gửi kèm báo cáo)

II. Kết quả chi ngân sách cấp thị xã và các xã, phường

Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 30/11/2022 là 780 tỷ 156 triệu đồng, đạt 96,26% kế hoạch. Chi ngân sách thị xã 607 tỷ 710 triệu đồng; chi ngân sách xã, phường 172 tỷ 447 triệu đồng. Ước chi ngân sách địa phương đến ngày 31/12/2022 là 1.003 tỷ 222 triệu đồng, đạt 136,86% dự toán.

(Chi tiết các khoản thu theo phụ lục 03 gửi kèm báo cáo)

1. Chi ngân sách cấp thị xã

- Đến ngày 30/11/2022 chi ngân sách cấp thị xã 607 tỷ 710 triệu đồng, đạt 91,72% so dự toán, trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng: 98 tỷ 88 triệu đồng, đạt 59,61% so với kế hoạch vốn giao đầu năm 2022 (165 tỷ 891 triệu đồng) và đạt 38,02% so với tổng số các nguồn vốn dành chi đầu tư xây dựng trong năm (260 tỷ 052 triệu đồng).

+ Chi thường xuyên là: 397 tỷ 951 triệu đồng, đạt 82,05% so với kế hoạch.

+ Chi chuyển giao các cấp ngân sách là 110 tỷ 879 triệu đồng.

- Ước chi ngân sách thị xã đến hết năm 2022 là 783 tỷ 045 triệu đồng; trong đó chi đầu tư xây dựng dự kiến 166 tỷ 315 triệu đồng; chi thường xuyên là 482 tỷ 416 triệu đồng và chi chuyển giao các cấp ngân sách khoảng 134 tỷ 314 triệu đồng.

2. Chi ngân sách cấp xã, phường

- Đến ngày 30/11/2022 chi ngân sách cấp xã, phường 172 tỷ 447 triệu đồng, đạt 116,62% so dự toán; trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng: 77 tỷ 366 triệu đồng, đạt 214,91% so với kế hoạch vốn giao đầu năm 2022 (Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng giao đầu năm cấp xã 36 tỷ đồng) và đạt 78,32% so với tổng số các vốn dành chi đầu tư xây dựng trong năm (vốn kế hoạch năm 2022, vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 và vốn bổ sung trong năm: 98 tỷ 776 triệu đồng).

+ Chi thường xuyên là: 95 tỷ 081 triệu đồng, đạt 86,69% so với dự toán

- Ước chi ngân sách cấp xã, phường đến 31/12/2022 khoảng 220 tỷ 177 triệu đồng. Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cấp xã khoảng 110 tỷ đồng; Chi thường xuyên dự kiến 110 tỷ 177 triệu đồng.

III. Nhận xét, đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Ưu điểm

- Kết quả thu ngân sách nhà nước đến hết 30/11/2022 đã đạt và vượt kế hoạch giao đầu năm 2022. Tổng số thu cân đối điều tiết ngân sách thị xã và các xã, phường đạt 135,1% so với dự toán. Nhiều khoản thu đến ngày 30/11/2022 vượt kế hoạch giao cả năm như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý đạt 129,59% KH; thu thuế ngoài quốc doanh đạt 173,92% KH; thuế thu nhập cá nhân đạt 237,83% kế hoạch; thu tiền cho thuê đất đạt 152,34% kế hoạch; Thu tiền sử dụng đất đạt 117% kế hoạch; lệ phí trước bạ 127,1% kế hoạch; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 452,95% kế hoạch; thu tại xã đạt 140,08%.

- Số thu cân đối điều tiết ngân sách thị xã và các xã, phường trừ tiền sử dụng đất đạt 154,58%. Trong đó cấp thị xã đạt 150,75%; cấp xã đạt 257,28% so với dự toán giao đầu năm 2022.

- Các khoản chi thường xuyên, chi chuyển giao ngân sách cơ bản đảm bảo kịp thời, đúng định mức, chế độ, chính sách theo dự toán được phê duyệt, phát huy tính chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành ngân sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong năm 2022.

b) Nguyên nhân kết quả đạt được

- Để có được kết quả trên là do Thị ủy, HĐND, UBND Thị xã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tập trung cao cho nhiệm vụ thu NSNN; thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu ngân sách trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc bất cập phát sinh trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ để quản lý các nguồn thu trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

- Các cấp, các ngành trong Thị xã, đặc biệt là các đơn vị sử dụng ngân sách chấp hành nghiêm túc dự toán chi ngân sách theo Nghị quyết của HĐND Thị xã, thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và của tỉnh.

- Việc triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022, thị xã Kinh Môn đã thực hiện đúng theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. Năm 2022, vốn đầu tư cơ bản được bố trí tập trung, ưu tiên cho thanh toán nợ xây dựng cơ bản, dự án chuyển tiếp và tập trung bố trí vốn, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án trọng điểm.

- Công tác lập, thẩm định dự án, lựa chọn nhà thầu, thanh toán, quyết toán công trình được kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng theo đúng các quy định hiện hành.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

a) Hạn chế, yếu kém

Còn 02 chỉ tiêu thu điều tiết ngân sách thị xã và 01 chỉ tiêu thu theo pháp luật đến ngày 30/11/2022 chưa đạt kế hoạch đề ra gồm:

- Phí, lệ phí mới đạt 92,37% kế hoạch. Trong đó: Phí Bảo vệ môi trường do khai thác khoáng sản (do Cục thể tỉnh thu điều tiết ngân sách thị xã) mới thu được 17,278 tỷ/17,9 tỷ đồng, đạt 96.53% dự toán.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Cục thể tỉnh thu điều tiết ngân sách thị xã) thu được 2 tỷ 186 triệu đồng/2 tỷ 249 triệu, đạt 97,2% kế hoạch. Số thu tại chỉ tiêu này chủ yếu điều tiết về ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh.

- Thu khác ngân sách mới thu được 15 tỷ 273 triệu/18 tỷ 500 triệu đồng, đạt 82,56 % so với kế hoạch.

b) Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

- Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ ban hành về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế xã hội, trong đó các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh được miễn giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất giảm bớt khó khăn do ảnh hưởng của Dịch Covid-19, ảnh hưởng đến một số khoản thu trên địa bàn.

- Trong 11 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu thu tiền bảo vệ đất trồng lúa chưa phát sinh số thu trong khi dự toán giao thu cả năm 2022 là 9 tỷ đồng.

- Quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới và khu vực, giá cả xăng dầu, vật tư tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh và tiến độ thu, nộp ngân sách địa phương.

Phần II

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Dự toán năm 2023 được tính toán trên cơ sở Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách; Hệ thống định

mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025

1. Phân thu (theo Biểu 04 gửi kèm).

* **Tổng thu NSNN trên địa bàn thị xã:** 996 tỷ 208 triệu đồng, Trong đó:

- Văn phòng Cục thuế tỉnh thu trên địa bàn: 157 tỷ 400 triệu đồng
- Chi cục Thuế khu vực thu: 362 tỷ 887 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 475 tỷ 921 triệu đồng.

* Số thu điều tiết:

- Ngân sách thị xã: 626 tỷ 454 triệu đồng
- Ngân sách xã, phường: 128 tỷ 639 triệu đồng

1.1. Các khoản thu cân đối điều tiết ngân sách NSH, NSX: 279 tỷ 172 triệu đồng, bằng 82,22% so dự toán 2022.

Trong chỉ tiêu kế hoạch thu giao cho thị xã thực hiện năm 2023, có 6/11 nội dung thu tăng cao hơn so dự toán giao năm 2022 với số tiền 40 tỷ 823 triệu đồng. Cụ thể: Thu từ khu vực công thương NQD tăng 42,74 %, Thuế thu nhập cá nhân tăng 14,87%, Lệ phí trước bạ tăng 14,67%, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 16.79%, Tiền thuê đất tăng 43,32% , Thu hoa lợi công sản tăng 16%. so năm 2022. Có 5/11 sắc thuế giao giảm so với dự toán 2022. Tính ra số tuyệt đối giảm 77 tỷ 843 triệu đồng (Doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý; phí lệ phí; thu tiền sử dụng đất; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; thu khác ngân sách.

- **Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:** 475 tỷ 921 triệu đồng, bằng 99,5% so năm 2022.

2 Phân chi (Biểu số 05):

Dự toán chi ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở: nguồn thu NSDP; hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Cụ thể, đảm bảo chi con người theo biên chế được giao với mức lương cơ bản 1,49 triệu đồng/tháng; định mức chi nghiệp vụ thường xuyên không thấp hơn dự toán 2022 (Chi hoạt động một biên chế của đơn vị quản lý hành chính 30 triệu đồng/biên chế, ngoài ra đảm bảo các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị...).

* **Tổng chi ngân sách địa phương:** 755 tỷ 093 triệu đồng.

1.1. Chi ngân sách thị xã: 626 tỷ 454 triệu đồng

- Chi xây dựng cơ bản: 110 tỷ 458 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 503 tỷ 467 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 12 tỷ 529 triệu đồng.

1.2. Chi ngân sách xã, phường: 128 tỷ 639 triệu đồng, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản: 12 tỷ 750 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 113 tỷ 316 triệu đồng.
- Dự phòng NS xã, phường: 2 tỷ 573 triệu đồng.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023

1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, huy động nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Theo dõi chặt chẽ và đôn đốc tiến độ thu nộp tiền đầu giá quyền sử dụng đất.

2. Rà soát và cân đối nguồn lực để thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công cho các công trình xây dựng cơ bản theo tiến độ thực hiện.

3. Thực hiện tốt các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công năm 2023 và các giải pháp điều hành linh hoạt kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 theo tiến độ thực hiện.

4. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về thuế và các chính sách hỗ trợ người nộp thuế để người nộp thuế hiểu, chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.

5. Tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; Tập trung các biện pháp thu nợ thuế, kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế;

6. Theo dõi chặt chẽ các khoản thu được gia hạn để đôn đốc nộp NSNN kịp thời và tiếp tục khai thác nguồn thu, quản lý hoạt động xây dựng cơ bản, bán hàng vãng lai trên địa bàn quản lý.

7. Tăng cường công tác kiểm soát chi NSNN theo quy định.

8. Triệt để thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên dành nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và đảm bảo an sinh xã hội.

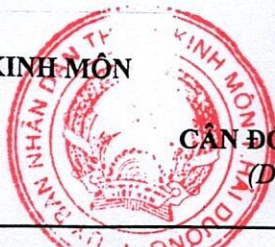
Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2022; nhiệm vụ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. /

Nơi nhận:

- Thường vụ Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, TC-KH.



Trương Đức San



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	ƯTH NĂM 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	662.716	1.137.851	626.454	95%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	275.006	377.847	257.092	93%
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	25.157	29.915	4.900	19%
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	249.849	347.932	252.192	101%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	387.710	536.642	369.362	95%
-	Thu bổ sung cân đối	308.311	376.265	369.362	120%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	79.399	160.377		0%
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		223.362		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	662.716	1.137.851	626.454	95%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	662.716	813.852	626.454	95%
1	Chi đầu tư phát triển	165.891	170.000	110.458	67%
2	Chi thường xuyên	485.159	492.618	503.467	104%
3	Dự phòng ngân sách	11.666		12.529	107%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
5	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới		151.234		
II	Chi các chương trình mục tiêu	-		-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		323.999		

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	662.716	1.137.851	626.454	55
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	275.006	377.847	257.092	68
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	387.710	536.642	369.362	69
-	Thu bổ sung cân đối	308.311	376.265	369.362	98
-	Thu bổ sung có mục tiêu	79.399	160.377		-
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		223.362		
II	Chi ngân sách	662.716	1.137.851	626.454	55
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	662.716	662.618	626.454	95
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã		151.234		-
-	Chi bổ sung cân đối		67.775		-
-	Chi bổ sung có mục tiêu		83.459		-
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		323.999		
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	147.872	275.075	128.639	47
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	41.477	75.460	22.080	29
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	106.395	151.234	106.559	70
-	Thu bổ sung cân đối	67.955	67.775	106.559	157
-	Thu bổ sung có mục tiêu	38.440	83.459		-
3	Thu kết dư		2.528		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		45.853		
II	Chi ngân sách	147.872	275.075	128.639	47

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023			So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN (Chi cục thuế thu)	THU NSDP	TỔNG THU NSNN (Chi cục thuế thu)	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	363.450	316.483	362.887	279.172	100%	88%	
	Thu nội địa	363.450	316.483	362.887	279.172	100%	88%	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý							
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	250		400	1564	160%		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài							
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	59.800	60.349	120.000	91.806	201%	152%	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.608	24.877	101.800	61.046	414%	245%	
	- Thuế tài nguyên			200	1.560			
	- Thuế giá trị gia tăng	35.192	35.192	18.000	29.200	51%	83%	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		280					
5	Thuế thu nhập cá nhân	13.900	7.791	15.500	8.950	112%	115%	
6	Thuế bảo vệ môi trường							
7	Lệ phí trước bạ	50.751	28.700	48.000	32.910	95%	115%	
8	Thu phí, lệ phí	6.649	29.713	4.200	5.000	63%	17%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300	780	1.387	911			
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	9.800	17.150	10.500	24.580			
12	Thu tiền sử dụng đất	200.000	164.000	150.000	104.000	75%	63%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết							
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
16	Thu khác ngân sách	18.500	5.500	10.000	4.800	54%	87%	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.500	2.500	2.900	4.651	116%	186%	
II	Thu viện trợ							

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Ngân sách thị xã	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	755.093	626.454	128.639
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	755.093	626.454	128.639
I	Chi đầu tư phát triển	123.208	110.458	12.750
1	Chi đầu tư cho các dự án	123.208	110.458	12.750
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	616.783	503.467	113.316
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	346.392	345.870	522
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
III	Dự phòng ngân sách	15.102	12.529	2.573
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	-		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.454
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	626.454
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	110.458
1	Chi đầu tư cho các dự án	110.458
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	503.467
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	345.870
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi khác	397
4	Chi văn hóa thông tin thể thao	2.874
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.918
7	Chi y tế, dân số và gia đình	496
8	Chi các hoạt động kinh tế	54.217
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35.929
10	Chi bảo đảm xã hội	54.201
11	Chi An ninh Quốc phòng	7.565
III	Dự phòng ngân sách	12.529
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
V	Chi chương trình mục tiêu	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CTMTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Chi cân đối NS Thị xã	626.454	110.458	503.467	12.529	0	-	-	-	-
I	Chi xây dựng cơ bản	110.458	110.458							
1	Từ nguồn vốn tập trung	19.208	19.208							
2	Từ nguồn tiền đất	80.850	80.850							
3	Từ nguồn 10% tiền đất chi cho đo đạc, quy hoạch	10.400	10.400							
4	Chi từ nguồn khác		0							
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	503.467		503.467						
1	Sự nghiệp kiến thiết, sự nghiệp kinh tế	54.217		54.217						
1.1	Sự nghiệp giao thông	4.347		4.347						
-	Phòng quản lý đô thị	4.112		4.112						
1.2	Sự nghiệp Nông nghiệp	7.979		7.979						
-	Phòng kinh tế	4.313		4.313						
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.782		1.782						
-	Hạt quản lý đê	1.634		1.634						
-	Sự nghiệp nông nghiệp khác (phòng chống cháy rừng...)	250		250						
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	41.890		41.890						
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường (SN môi trường)	2.200		2.200						
-	Phòng quản lý đô thị	4.500		4.500						
-	Phòng quản lý đô thị	1.500		1.500						
-	Phòng quản lý đô thị	2.500		2.500						
-	Phòng quản lý đô thị	260		260						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ (KHÔNG KẾ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CTMTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
-	Phòng quản lý đô thị	2.500		2.500						
-	Phòng quản lý đô thị	500		500						
-	Phòng quản lý đô thị	1.500		1.500						
-	Phòng quản lý đô thị	1.000		1.000						
-	Phòng quản lý đô thị	1.800		1.800						
-	Phòng quản lý đô thị	500		500						
-	Phòng quản lý đô thị	20.142		20.142						
2	Sự nghiệp giáo dục, Đào tạo	345.870		345.870						
2.1	Sự nghiệp giáo dục	343.027		343.027						
-	Mầm non	103.981		103.981						
-	Tiểu học	124.386		124.386						
-	Trung học cơ sở	93.925		93.925						
-	Trung tâm GDNN-GDTX	5.046		5.046						
-	Sự nghiệp phòng giáo dục	860		860						
-	Quản lý dự toán khối giáo dục (Tài chính - Kế hoạch)	250		250						
2.2	Sự nghiệp đào tạo	2.843		2.843						
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.843		2.843						
3	Sự nghiệp văn hóa	2.874		2.874						
-	Trung tâm văn hóa - thể thao	2.874		2.874						
4	Đài phát thanh	1.918		1.918						
5	Sự nghiệp y tế	496		496						
6	Đảm bảo xã hội (Phòng Lao động thương binh & Xã hội)	54.201		54.201						
7	Quản lý hành chính	35.929		35.929						
7.1	Quản lý nhà nước	18.987		18.987						
-	Văn phòng HĐND&UBND	6.451		6.451						
-	Hội đồng nhân dân	1.079		1.079						
-	Phòng kinh tế	1.292		1.292						
-	Phòng tư pháp	728		728						
-	Phòng Quản lý đô thị	1.290		1.290						
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.173		1.173						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐAM XÃ HỘI	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CÔNG AN, QUẢN SỰ	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI GIAO THÔNG			TRONG ĐÓ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	10.1	10.2	11	12
	TỔNG SỐ	110.458	-	-	-	27.600	-	-	-	-	59.800	800	-	23.058	-
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã	110.458				27.600					59.800	800		23.058	

DỰ TOÁN CHI THUỒNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	1											
A	Chi cân đối NS Thị xã	626.454	574.237	0	0	3.600	0	54.269	0	0	14.784	0	0
I	Chi xây dựng cơ bản	110.458	574.237	0	0	3.600	0	54.269	0	0	13.746	0	0
1	Từ nguồn vốn tập trung	19.208				3.600		4.400			11.208		
2	Từ nguồn tiền đất	80.850				26.100		45.000			9.750		
3	Từ nguồn 10% tiền đất chi cho đo đạc, quy hoạch	10.400						10.400					
4	Chi từ nguồn khác												
II	CHI THUỒNG XUYỀN	503.467											
I	Sự nghiệp kiến thiết, sự nghiệp kinh tế	54.217						54.217					
1.1	Sự nghiệp giao thông	4.347						4.347	4.347				
-	Phòng quản lý đô thị	4.112						4.112					
1.2	Sự nghiệp Nông nghiệp	7.979						7.979					
-	Phòng kinh tế	4.313						4.313					
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.782						1.782					
-	Hạt quản lý đê	1.634						1.634					

TRONG ĐÓ

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHỀ, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
-	Sự nghiệp nông nghiệp khác (phòng chống cháy rừng...)	250						250					
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	41.890	449.851					41.890					
-	Phòng Tài nguyên và Môi trường (SN môi trường)	2.200						2.200					
-	Phòng quản lý đô thị	4.500						4.500					
-	Phòng quản lý đô thị	1.500						1.500					
-	Phòng quản lý đô thị	2.500						2.500					
-	Phòng quản lý đô thị	260						260					
-	Phòng quản lý đô thị	2.500						2.500					
-	Phòng quản lý đô thị	500						500					
-	Phòng quản lý đô thị	1.500						1.500					
-	Phòng quản lý đô thị	1.000						1.000					
-	Phòng quản lý đô thị	1.800						1.800					
-	Phòng quản lý đô thị	500						500					
-	Phòng quản lý đô thị	20.142						20.142					
2	Sự nghiệp giáo dục, Đào tạo	345.870	345.870					345.870					
2.1	Sự nghiệp giáo dục	343.027	343.027					343.027					
-	Mầm non	103.981	103.981					103.981					
-	Tiểu học	124.386	124.386					124.386					
-	Trung học cơ sở	93.925	93.925					93.925					
-	Trung tâm GDNN-GDTX	5.046	5.046					5.046					
-	Sự nghiệp phòng giáo dục	860	860					860					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI		
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ						
									CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					
-	Quản lý dự toán khối giáo dục (Tài chính - Kế hoạch)	250	250												
2.2	Sự nghiệp đào tạo	2.843	2.843												
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.843	2.843												
3	Sự nghiệp văn hóa	2.874					2.874								
-	Trung tâm văn hóa - thể thao	2.874					2.874								
4	Đài phát thanh	1.918				1.918									
5	Sự nghiệp y tế	496		496											
6	Đảm bảo xã hội (Phòng Lao động thương binh & Xã hội)	54.201													54.201
7	Quản lý hành chính	35.929												35.929	
7.1	Quản lý nhà nước	18.987												18.987	
-	Văn phòng HĐND&UBND	6.451												6.451	
-	Hội đồng nhân dân	1.079												1.079	
-	Phòng kinh tế	1.292												1.292	
-	Phòng tư pháp	728												728	
-	Phòng Quản lý đô thị	1.290												1.290	
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.173												1.173	
-	Phòng giáo dục và đào tạo	790												790	
-	Phòng y tế	432												432	
-	Phòng lao động TB&XH	1.032												1.032	
-	Phòng văn hóa thông tin	793												793	
-	Phòng Tài nguyên và môi trường	943												943	
-	Phòng Nội vụ	1.089												1.089	

DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỐ TRÍ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn: 1.000 đồng

TT	Chương trình/ngành, lĩnh vực/ Nguồn vốn	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (cuối cùng)	Tổng số vốn đã bố trí hết 2022	Vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn năm 2023	Phân bổ vốn		Ghi chú
								Tổng số	Bao gồm	
								Nguồn XDCH tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	
	TỔNG SỐ									
A/ PHẦN BỐ ĐẦU CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN										
I Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2022 trở về trước										
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 05 (giai đoạn 2)	2022-2023	Số 1643/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	33.999.000	31.970.692	2.028.308	1.400.000	1.400.000	1.400.000	-
2	Xây dựng điện chiếu sáng đường tỉnh 389 và 389B (giai đoạn 1)	2022-2023	Số 2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	19.000.000	18.200.000	800.000	600.000	600.000	600.000	
II Dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023										
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa thị xã Kinh Môn	2022-2023	Số 2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	29.945.694	13.640.000	16.305.694	14.700.000	14.700.000	5.000.000	9.700.000
2	Nhà tang lễ	2022-2023	1642/QĐ-UBND 15/12/2021	14.974.500	6.127.000	8.847.500	8.500.000	1.500.000	1.500.000	
3	Khu dân cư mới Trung Hòa, xã Thăng Long	2022-2023	Số 2018/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	35.768.955	7.346.000	28.422.955	20.000.000	-	-	
4	Hội trường Nhà văn hóa trung tâm thị xã Kinh Môn	2022-2023	Số 1322/ QĐ-UBND ngày 16/9/2021	45.905.400	13.071.711	32.833.689	28.000.000	-	-	
III Các nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư										
1	Quy hoạch tu bổ di tích danh lam thắng cảnh An Phụ - Kinh Chi - Nhầm Dương	2021-2022	Số 1873/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 UBND tỉnh	12.953.000	11.216.000	1.737.000	1.089.350	-	-	
2	Lập quy hoạch phân khu 1 - Phân khu đô thị hiện hữu, tỷ lệ 1/2000		Số 477/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	7.392.287	3.855.000	3.537.287	3.167.673	-	-	
3	Lập quy hoạch phân khu 2 - Phân khu đô thị cửa ngõ, tỷ lệ 1/2000		Số 478/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	5.708.738	3.360.000	2.348.738	2.063.301	-	-	
4	Lập quy hoạch phân khu 3 - Phân khu đô thị trung tâm, tỷ lệ 1/2000		Số 479/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	7.673.455	3.640.000	4.033.455	3.649.782	-	-	
5	Lập quy hoạch phân khu 4 - Phân khu đô thị công nghiệp phía tây bắc, tỷ lệ 1/2000		Số 480/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	3.506.859	1.489.000	2.017.859	1.842.516	-	-	
6	Lập quy hoạch phân khu 5 - Phân khu đô thị sinh thái, tỷ lệ 1/2000		Số 481/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	10.615.430	5.970.000	4.645.430	4.114.659	-	-	
7	Lập quy hoạch phân khu 6 - Phân khu đô thị công nghiệp phía tây, tỷ lệ 1/2000		Số 482/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	4.518.664	2.705.000	1.813.664	1.587.731	-	-	

	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Phân bổ vốn		Giao UBND thị xã phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
									Bao gồm	
IV Các dự án đầu tư khởi công mới năm 2023 của thị xã								34.459.000	8.308.000	26.150.000
1 Khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn; Hạng mục: Hoàn thiện sân vận động bãi đỗ xe				1.000.000	60.246.041			26.100.000	2.100.000	24.000.000
2 Xây dựng Nhà Khách thị xã Kinh Môn				1.000.000	45.257.000			8.358.000	6.208.000	2.150.000
B/ PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU					14.989.041			58.400.000	3.000.000	55.400.000
I Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư								3.000.000	3.000.000	
II Dự án Xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với đường tỉnh 389B, thị xã Kinh Môn								45.000.000		45.000.000
III Thực hiện các dự án, nhiệm vụ quy hoạch, quản lý đất đai: 10 tỷ 400 triệu đồng (trích từ 10% số thu tiền sử dụng đất cấp huyện, cấp xã)								10.400.000		10.400.000

DANH MỤC VÀ MỨC VỐN BỔ TRÍ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Dựa trên trình Hội đồng nhân dân)

Đơn: 1.000 đồng

TT	Chương trình/ngành, lĩnh vực/ Nguồn vốn	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (cuối cùng)	Tổng số vốn đã bố trí hết 2022	Vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn năm 2023	Phân bổ vốn			Ghi chú
								Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10 + 11	10	11	
	TỔNG SỐ										
A/ PHÂN BỐ ĐỢT ĐẦU CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN											
I Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2022 trở về trước											
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 05 (giai đoạn 2)	2022-2023	Số 1643/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	273.208.023	105.390.403	167.817.620	147.115.011	110.458.000	19.208.000	91.250.000	
2	Xây dựng điện chiếu sáng đường tỉnh 389 và 389B (giai đoạn 1)	2022-2023	Số 2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	33.999.000	31.970.692	2.028.308	1.400.000	1.400.000	1.400.000		
II Dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023											
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa thị xã Kinh Môn	2022-2023	Số 2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	29.945.694	13.640.000	16.305.694	14.700.000	14.700.000	5.000.000	9.700.000	
2	Nhà tang lễ	2022-2023	1642/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	14.974.500	6.127.000	8.847.500	8.500.000	1.500.000	1.500.000		
3	Khu dân cư mới Trung Hòa, xã Thăng Long	2022-2023	Số 2018/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	35.768.955	7.346.000	28.422.955	20.000.000	-	-	-	
4	Hội trường Nhà văn hóa trung tâm thị xã Kinh Môn	2022-2023	Số 1322/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	45.905.400	13.071.711	32.833.689	28.000.000	-	-	-	
III Các nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư											
1	Quy hoạch tu bổ di tích danh lam thắng cảnh An Phụ - Kinh Châu - Năm Dương	2021-2022	Số 1873/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 UBND tỉnh	12.953.000	11.216.000	1.737.000	1.089.350	-	-	-	
2	Lập quy hoạch phân khu 1 - Phân khu đô thị hiện hữu, tỷ lệ 1/2000		Số 477/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	7.392.287	3.855.000	3.537.287	3.167.673	-	-	-	
3	Lập quy hoạch phân khu 2 - Phân khu đô thị cửa ngõ, tỷ lệ 1/2000		Số 478/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	5.708.738	3.360.000	2.348.738	2.063.301	-	-	-	
4	Lập quy hoạch phân khu 3 - Phân khu đô thị trung tâm, tỷ lệ 1/2000		Số 479/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	7.673.455	3.640.000	4.033.455	3.649.782	-	-	-	
5	Lập quy hoạch phân khu 4 - Phân khu đô thị công nghiệp phía tây bắc, tỷ lệ 1/2000		Số 480/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	3.506.859	1.489.000	2.017.859	1.842.516	-	-	-	
6	Lập quy hoạch phân khu 5 - Phân khu đô thị sinh thái, tỷ lệ 1/2000		Số 481/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	10.615.430	5.970.000	4.645.430	4.114.659	-	-	-	
7	Lập quy hoạch phân khu 6 - Phân khu đô thị công nghiệp phía tây, tỷ lệ 1/2000		Số 482/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	4.518.664	2.705.000	1.813.664	1.587.731	-	-	-	

TT	Chương trình/ngành, lĩnh vực/ Nguồn vốn	Thời gian khởi công và hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (cuối cùng)	Tổng số vốn đã bố trí hết 2022	Vốn còn thiếu so với tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn năm 2023	Phân bổ vốn			Ghi chú
								Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
IV	Các dự án đầu tư khởi công mới năm 2023 của thị xã			60.246.041	1.000.000	59.246.041	57.000.000	8.308.000	26.150.000		
1	Khu liên hợp thể thao thị xã Kinh Môn; Hạng mục: Hoàn thiện sân vận động bãi đá xe			45.257.000	1.000.000	44.257.000	43.000.000	2.100.000	24.000.000		
2	Xây dựng Nhà khách thị xã Kinh Môn			14.989.041		14.989.041	14.000.000	6.208.000	2.150.000		
B/	PHÂN BỐ CHI TIẾT SAU							3.000.000	55.400.000		
I	Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư							3.000.000			Giao UBND thị xã phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
II	Dự án Xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với đường tỉnh 389B, thị xã Kinh Môn								45.000.000		Giao UBND thị xã phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
III	Thực hiện các dự án, nhiệm vụ quy hoạch, quản lý đất đai: 10 tỷ 400 triệu đồng (trích từ 10% số thu tiền sử dụng đất cấp huyện, cấp xã)								10.400.000		Giao UBND thị xã phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện